# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
# THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

## 1.THÔNG TIN TỔNG QUÁT

**Tên học phần (tiếng Việt):** THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

**Tên học phần (tiếng Anh):** Financial Market

**Mã học phần:** ……..…… **Mã tự quản**: 12200071

**Thuộc khối kiến thức:** Chuyên ngành Tài chính Ngân hàng

**Đơn vị phụ trách:** Bộ môn Tài chính - Ngân hàng khoa Tài chính Kế toán

**Số tín chỉ**: 3(3,0,6)

**Phân bố thời gian:**

- Tổng số tiết : 135 tiết
- Số tiết lý thuyết : 45 tiết
- Số tiết thí nghiệm/thực hành (TN/TH) : 00 tiết
- Số tiết tự học : 90 tiết

**Điều kiện tham gia học tập học phần:**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Lý thuyết Tài chính Tiền tệ (12200052)
- Học phần song hành: Nguyên lý Kế toán (12200005)

## 2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

| STT<br>[1] | Họ và tên<br>[2] | Email<br>[3] | Đơn vị công tác<br>[4] |
|---|---|---|---|
| 1. | Nguyễn Nam Thắng | thangnn@hufi.edu.vn | TCKT/TCNH |
| 2. | Huỳnh Thị Hương Thảo | thaohth@hufi.edu.vn | TCKT/TCNH |
| 3. | Phạm Thị Kim Ánh | anhptk@hufi.edu.vn | TCKT/TCNH |
| 4. | Mai Thị Thu Nguyệt | nguyetmtt@hufi.edu.vn | TCKT/TCNH |
| 5. | Hoàng Đình Dũng | dunghd@hufi.edu.vn | TCKT/TCNH |

## 3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Đề cương chi tiết học phần thị trường tài chính cấp độ đại học được xây dựng lấy người học làm trung tâm, bao gồm: Kiến thức lý thuyết, thực tế để phân tích, dự báo, đầu tư giao dịch mua bán tài sản trên thị trường; Kỹ năng giải quyết các vấn đề liên quan khi tham gia vào thị trường cao cấp nhất, hiện đại nhất và phức tạp nhất; Mức độ tự chủ tác nghiệp độc lập hoặc theo nhóm với trách nhiệm sử dụng tối đa nguồn lực thúc đẩy thị trường tài chính phát triển.

## 4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

*Người đọc và người  học xong học phần này sẽ có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

| **Mục tiêu [1]** | **Mô tả mục tiêu [2]** | **CĐR của CTĐT [3]** | **TĐNL [4]** |
|---|---|---|---|
| $G_1$ | Kiến thức lý thuyết và thực tế phân tích, dự báo, đầu tư giao dịch mua bán tài sản trên thị trường; tổng quan về thị trường tài chính. | PLO1.1<br>PLO2.2<br>PLO3.1<br>PLO4.3<br>PLO5.1 | 2<br>3<br>3<br>3<br>3 |
| $G_2$ | Kỹ năng giải quyết các vấn đề liên quan khi tham gia vào thị trường cao cấp nhất, hiện đại nhất và phức tạp nhất. | PLO6.2<br>PLO7.2<br>PLO8.2<br>PLO9.2<br>PLO10.2 | 3<br>3<br>2<br>3<br>3 |
| $G_3$ | Mức độ tự chủ tác nghiệp độc lập hoặc theo nhóm trong khuôn khổ thị trường tài chính;<br>Trách nhiệm sử dụng tối đa nguồn lực tự có và tự tạo thúc đẩy thị trường tài chính phát triển. | PLO12.1<br>PLO13.1<br>PLO13.2<br>PLO14.1<br>PLO15.1 | 3<br>3<br>2<br>2<br>2 |

## 5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Chuẩn đầu ra (CĐR) chi tiết của học phần (*) như sau:

| Mục tiêu học phần [1] | CĐR học phần [2] | Mô tả chuẩn đầu ra [3] | Trình độ năng lực [4] |
|---|---|---|---|
| G1 | CLO1.1 | Tái hiện lý thuyết sâu, rộng, kiến thức thực tế vững chắc. | 2 |
| | CLO1.2 | Tái hiện khoa học xã hội, chính trị, quy luật thị trường. | 3 |
| | CLO1.3 | Tái tạo công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thị trường. | 3 |
| | CLO1.4 | Tái tạo lập kế hoạch, tổ chức và giám sát thị trường. | 3 |
| | CLO1.5 | Lập luận sáng tạo quản lý, điều hành thị trường tài chính. | 3 |
| G2 | CLO2.1 | Tái hiện giải quyết các vấn đề phức tạp trên thị trường. | 3 |
| | CLO2.2 | Tái hiện dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc cá nhân và chung. | 3 |
| | CLO2.3 | Tái tạo phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp. | 3 |
| | CLO2.4 | Tái tạo đánh giá chất lượng công việc cá nhân và chung. | 2 |
| | CLO2.5 | Lập luận sáng tạo truyền đạt các vấn đề phức tạp. | 3 |
| G3 | CLO3.1 | Chủ động làm việc độc lập và theo nhóm cao. | 3 |
| | CLO3.2 | Chịu trách nhiệm cá nhân và của nhóm cao. | 3 |
| | CLO3.3 | Chủ động hướng dẫn và giám sát cao. | 3 |
| | CLO3.4 | Chịu trách nhiêm tự định hướng, kết luận chuyên môn cao. | 2 |
| | CLO3.5 | Chủ động và chịu trách nhiệm lập kế hoạch thực hiện cao. | 3 |

## 6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

### 6.1. Phân bố thời gian tổng quát

| STT [1] | Tên chương/bài [2] | CĐR của học phần [3] | Phân bố thời gian (tiết/giờ) [4] | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng | Lý thuyết | TN/TH | Tự học |
| 1. | Chương 1.Tổng quan thị trường tài chính | CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5 | 18 | 6 | | 12 |
| 2. | Chương 2. Thị trường Tiền tệ | CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5 | 9 | 3 | | 6 |
| 3. | Chương 3. Thị trường Ngoại hối | CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5 | 9 | 3 | | 6 |
| 4. | Chương 4. Thị trường Chứng khoán | CLO2.1; CLO2.2; CLO2.3; CLO2.4; CLO2.5 | 27 | 9 | | 18 |
| 5. | Chương 5. Thị trường Trái phiếu | CLO2.1; CLO2.2; CLO2.3; CLO2.4; CLO2.5 | 18 | 6 | | 12 |
| 6. | Chương 6. Thị trường Cổ phiếu | CLO2.1; CLO2.2; CLO2.3; CLO2.4; CLO2.5. | 27 | 9 | | 18 |
| 7. | Chương 7. Thị trường Phái sinh | CLO2.1; CLO2.2; CLO2.3; CLO2.4; CLO2.5. | 27 | 9 | | 18 |
| **Tổng** | | | **135** | **45** | | **90** |

**6.2. Nội dung chi tiết của học phần**

**Chương 1. TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH**

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

1.1.1. Thị trường tài chính trong hệ thống kinh tế

1.1.2. Thị trường tài chính trong hệ thống tài chính

1.1.3. Khái niệm thị trường tài chính

1.1.4. Đặc điểm thị trường tài chính

1.1.5. Phân loại thị trường tài chính

1.2. NHỮNG TỔ CHỨC TÀI CHÍNH LIÊN QUAN

1.2.1. Tổ chức nhận tiền gửi

1.2.2. Tổ chức không nhận tiền gửi

1.3. TÀI SẢN TÀI CHÍNH

1.3.1. Khái niệm tài sản tài chính

1.3.2. Đặc điểm tài sản tài chính

1.3.3. Phân loại tài sản tài chính

1.3.4. Vai trò của tài sản tài chính

1.4. MÔ HÌNH ĐỊNH GIÁ VỐN TÀI SẢN TÀI CHÍNH

1.4.1. Nguyên tắc định giá vốn tài sản tài chính

1.4.2. Nguyên tắc xây dựng mô hình định giá vốn tài sản tài chính

1.4.3. Mô hình định giá vốn tài sản tài chính

1.5. MÔ HÌNH ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN TÀI CHÍNH

1.5.1. Nguyên tắc định giá tài sản tài chính

1.5.2. Nguyên tắc biểu diễn dòng tiền tài sản tài chính

1.5.3. Mô hình tổng quát định giá tài sản tài chính

1.6. MÔ HÌNH PHÂN TÍCH DỰ BÁO GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH

1.6.1. Nguyên tắc phân tích dự báo giá trị tài sản tài chính

1.6.2. Nguyên tắc xác định giá trị tài sản tài chính

1.6.3. Mô hình tổng quát phân tích dự báo giá trị tài sản tài chính

1.7. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH HIỆU QUẢ

1.7.1. Tại sao cần có thị trường hiệu quả

1.7.2. Làm thế nào để có thị trường hiệu quả

1.7.3. Để có thị trường hiệu quả cần nghiên cứu

**Chương 2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ**

2.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

2.1.1. Khái niệm thị trường tiền tệ

2.1.2. Đặc điểm thị trường tiền tệ

2.1.3. Chức năng thị trường tiền tệ

2.1.4. Cấu trúc thị trường tiền tệ

2.2. CÔNG CỤ CỦA THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

2.2.1. Tín phiếu kho bạc

2.2.2. Chứng chỉ tiền gửi

2.2.3. Thương phiếu

2.2.4. Chấp nhận của ngân hàng

2.2.5. Hợp đồng mua lại

2.3. THÀNH PHẦN THAM GIA TRÊN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

2.3.1. Chính phủ

2.3.2. Ngân hàng Trung ương

2.3.3. Ngân hàng thương mại

2.3.4. Nhà môi giới

2.3.5. Các tổ chức tài chính phi ngân hàng

2.3.6. Các doanh nghiệp

2.3.7. Cá nhân và hộ gia đình

2.4. NGHIỆP VỤ CỦA THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

2.4.1. Nghiệp vụ thị trường mở

2.4.2. Nghiệp vụ thị trường liên ngân hàng

**Chương 3. THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI**

3.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

3.1.1. Khái niệm thị trường ngoại hối

3.1.2. Đặc điểm thị trường ngoại hối

3.1.3. Cấu trúc của thị trường ngoại hối

3.2. THÀNH PHẦN THAM GIA TRÊN THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

3.2.1. Ngân hàng Trung ương

3.2.2. Ngân hàng Thương mại

3.2.3. Các cá nhân và doanh nghiệp

3.2.4. Các nhà kinh doanh

3.2.5. Các nhà môi giới

3.2.6. Các nhà đầu cơ

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái

3.3.3. Các phương pháp yết giá

3.3.4. Các loại tỷ giá

3.3.5. Tỷ giá chéo

3.4. CÁC GIAO DỊCH NGOẠI HỐI

3.4.1. Giao dịch giao ngay

3.4.2. Giao dịch kỳ hạn

3.4.3. Giao dịch hoán đổi

3.4.4. Giao dịch quyền chọn

3.4.5. Giao dịch tương lai

**Chương 4. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

4.1. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN SƠ CẤP

4.1.1. Khái niệm thị trường chứng khoán sơ cấp

4.1.2. Đặc điểm của thị trường CK sơ cấp

4.1.3. Điều kiện, hình thức, trình tự phát hành chứng khoán lần đầu trên thị trường sơ cấp

4.1.4. Điều kiện, hình thức, trình tự bảo lãnh phát hành CK trên thị trường sơ cấp

4.1.5. Tổ chức đấu giá chứng khoán trên thị trường sơ cấp

2.2. THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP TẬP TRUNG SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

4.2.1. Khái niệm Sở giao dịch chứng khoán

4.2.2. Đặc điểm Sở giao dịch chứng khoán

4.2.3. Vai trò và chức năng Sở giao dịch chứng khoán

4.2.4. Hình thức và tổ chức Sở giao dịch chứng khoán

4.2.5. Hệ thống, quy trình, thứ tự, phương thức giao dịch chứng khoán

4.3. THỊ TRƯỜNG UPCOM

4.3.1. Khái niệm thị trường UPCOM

4.3.2. Đặc điểm thị trường UPCOM

4.3.3. Điều kiện tham gia thị trường UPCOM

4.3.4. Giao dịch mua bán chứng khoán trên thị trường UPCOM

4.3.5. Lợi ích tham gia thị trường UPCOM

2.4.THỊ TRƯỜNG OTC

4.4.1. Khái niệm thị trường OTC

4.4.2. Đặc điểm của thị trường OTC

4.4.3. Điều kiện tham gia thị trường OTC

4.4.4. Giao dịch mua bán trên thị trường OTC

4.4.5. Lợi ích tham gia thị trường OTC

2.5.LỆNH MUA BÁN CHỨNG KHOÁN

4.5.1. Lệnh mở cửa ATO

4.5.2. Lệnh đóng cửa ATC

4.5.3. Lệnh thị trường MP

4.5.4. Lệnh giới hạn LO

4.5.5. Lệnh dừng SO

**Chương 5. THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU**

5.1.2. Trái phiếu

5.1.2.2. Các yếu tố cơ bản của trái phiếu

5.1.2.3. Đặc điểm trái phiếu

5.1.2.4. Phân loại trái phiếu

5.1.2.5. Lợi tức và rủi ro của trái phiếu

5.1.3. Các công thức định giá trái phiếu

5.1.3.1. Mô hình giá trị hiện tại

5.1.3.2. Mô hình tỷ suất lợi tức của trái phiếu

5.1.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới giá trái phiếu

5.1.4. Điều kiện phát hành trái phiếu ở Việt Nam

5.2. THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ

5.2.1. Khái quát về thị trường trái phiếu Quốc tế

5.2.2. Cơ cấu thị trường trái phiếu Quốc tế

5.2.2.1. Thị trường sơ cấp

5.2.2.2. Thị trường thứ cấp

5.2.3. Các loại thị trường trái phiếu quốc tế chủ yếu

5.2.3.1. Thị trường trái phiếu nước ngoài

5.2.3.2. Thị trường trái phiếu châu Âu

5.2.3.3. Một số thị trường trái phiếu quốc tế lớn

5.2.4. Hệ số tín nhiệm

5.2.4.1. Khái quát

5.2.4.2. Mục đích

5.2.4.3. Các yếu tố đánh giá hệ số tín nhiệm

5.2.4.4. Thang đánh giá hệ số tín nhiệm

5.2.4.5. Các tổ chức đánh giá hệ số tín nhiệm

**Chương 6. THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU**

6.1. KHÁI QUÁT VỀ TT CỔ PHIẾU

6.1.1. Khái niệm cổ phiếu

6.1.2. Đặc điểm cổ phiếu

6.1.3. Phân loại cổ phiếu

6.1.4. Các loại giá cổ phiếu

6.2. PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ CỔ PHIẾU

6.2.1. Phương pháp định giá cổ phiếu thường

6.2.2. Phương pháp định giá trị cổ phiếu ưu đãi

6.2.3. Phương pháp định giá cổ phiếu theo hệ số giá trên thu nhập

6.2.4. Phương pháp định giá cổ phiếu theo giá trị tài sản ròng

6.3. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ SỐ GIÁ CỔ PHIẾU

6.3.1. Phương pháp bình quân số học và bình quân nhân

6.3.2. Phương pháp Passcher, Laspeyres, Fisher

6.3.3. Phương pháp chọn rổ đại diện

6.3.4. Phương pháp loại yếu tố trong rổ đại diện

6.4. CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ

6.4.1. Khái niệm chứng chỉ quỹ đầu tư

6.4.2. Đặc điểm chứng chỉ quỹ đầu tư

6.4.3. Chứng chỉ quỹ đầu tư đóng

6.4.4. Chứng chỉ quỹ đầu tư mở

6.4.5. Phân biệt chứng chỉ quỹ đầu tư

6.5. PHÂN TÍCH DỰ BÁO ĐẦU TƯ

6.5.1. Phân tích dự báo đầu tư cổ phiếu

6.5.2. Phân tích dự báo đầu tư chứng chỉ quỹ

6.5.3. Mô hình dự báo giá cổ phiếu theo thời gian

6.5.4. Mô hình dự báo giá cổ phiếu theo tốc độ phát triển bình quân

6.5.5. Mô hình dự báo giá cổ phiếu theo mức tăng giảm tuyệt đối bình quân

6.5.6. Mô hình dự báo giá cổ phiếu tổng hợp

**Chương 7. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH**

7.1. KHÁI QUÁT VỀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

7.1.1. Thị trường chứng khoán phái sinh Thế giới

7.1.2. Thị trường chứng khoán phái sinh Việt Nam

7.1.3. Khái niệm thị trường chứng khoán phái sinh

7.1.4. Khái niệm chứng khoán phái sinh

7.1.5. Các loại chứng khoán phái sinh

7.2. HỢP ĐỒNG KỲ HẠN

7.2.1. Khái niệm hợp đồng kỳ hạn

7.2.2. Đặc điểm hợp đồng kỳ hạn

7.2.3. Phân loại hợp đồng kỳ hạn

7.2.4. Giá hợp đồng kỳ hạn

7.2.5. Ưu nhược điểm hợp đồng kỳ hạn

7.3. HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

7.3.1. Khái niệm hợp đồng tương lai

7.3.2. Đặc điểm hợp đồng tương lai

7.3.3. Phân loại hợp đồng tương lai

7.3.4. Giá của hợp đồng tương lai

7.3.5. Ưu nhược điểm của hợp đồng tương lai

7.4. HỢP ĐỒNG QUYỀN CHỌN

7.4.2. Đặc điểm hợp đồng quyền chọn

7.4.3. Phân loại hợp đồng quyền chọn

7.4.4. Giá của hợp đồng quyền chọn

7.4.5. Ưu nhược điểm của hợp đồng quyền chọn

7.5. HỢP ĐỒNG HOÁN ĐỔI

7.5.1. Khái niệm hợp đồng hoán đổi

7.5.2. Đặc điểm hợp đồng hoán đổi

7.5.3. Phân loại  hợp đồng hoán đổi

7.5.4. Giá của hợp đồng hoán đổi

7.5.5. Ưu nhược điểm hợp đồng hoán đổi

7.6. QUYỀN MUA CỔ PHẦN

7.6.1. Khái niệm quyền mua cổ phần

7.6.2. Đặc điểm quyền chọn mua cổ phần

7.6.3. Phân loại quyền mua cổ phần

7.6.4. Giá quyền mua cổ phần

7.6.5. Ưu nhược điểm quyền mua cổ phần

7.7. CHỨNG QUYỀN

7.7.1. Khái niệm chứng quyền

7.7.2. Đặc điểm chứng quyền

7.7.3. Phân loại chứng quyền

7.7.4. Giá chứng quyền

7.7.5. Ưu nhược điểm của chứng quyền

## 7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Thang điểm đánh giá: 10/10
- Kế hoạch đánh giá học phần cụ thể như sau:

| Hình thức đánh giá<br>[1] | Thời điểm<br>[2] | Chuẩn đầu ra học phần<br>[3] | Tỉ lệ (%)<br>[4] | Rubric<br>[5] |
|---|---|---|---|---|
| **Quá trình** | | | **30%** | |
| **Chuyên cần** | Toàn bộ thời gian học | CLO3.1;CLO3.2; CLO3.3; CLO3.4; CLO3.5. | 2% | Rubric1 |
| **Thảo luận nhóm** | Toàn bộ thời gian học | CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5; CLO2.1; CLO2.2; CLO2.3; CLO2.4; CLO2.5 | 2% | Rubric2 |
| **Thuyết trình nhóm** | Sau khi kết thúc thời gian học phần lý thuyết | CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5; CLO2.1; CLO2.2; CLO2.3; CLO2.4; CLO2.5 | 2% | Rubric3 |
| **Cá nhân nhóm** | Toàn bộ thời gian học | CLO3.1;CLO3.2; CLO3.3; CLO3.4; CLO3.5. | 2% | Rubric4 |
| **Tiểu luận nhóm** | Sau khi kết thúc thời gian học phần lý thuyết | CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5; CLO2.1; CLO2.2; CLO2.3; CLO2.4; CLO2.5 | 22% | Rubric5 |
| **Thi giữa kỳ** | | | **0** | **0** |
| **Thi cuối kỳ** | | | **70%** | |
| Chương 1: (100÷450)×70%<br>Chương 2: (35÷450)×70%<br>Chương 3: (35÷450)×70%<br>Chương 4: (115÷450)×70%<br>Chương 5: (45÷450)×70%<br>Chương 6: (70÷450)×70%<br>Chương 7: (50÷450) ×70% | Sau khi kết thúc toàn bộ thời gian học học phần | CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5; CLO2.1; CLO2.2; CLO2.3; CLO2.4; CLO2.5; CLO3.1;CLO3.2; CLO3.3; CLO3.4; CLO3.5. | 16%<br>5%<br>5%<br>18%<br>7%<br>11% | $\sum_{i=1}^{5}$ Rubrics |

| Hình thức đánh giá<br>[1] | Thời điểm<br>[2] | Chuẩn đầu ra học phần<br>[3] | Tỉ lệ (%)<br>[4] | Rubric<br>[5] |
|---|---|---|---|---|
| | | | 8% | |

## 8. NGUỒN HỌC LIỆU

### 8.1. Giáo trình/Tài liệu giảng dạy chính

[1] TS. Nguyễn Nam Thắng với TS. Huỳnh Thị Hương Thảo và các cộng sự (2019). *Thị trường Tài chính*. NXB: Khoa TCKT Trường Đại học CNTP thành phố Hồ Chí Minh.

[2] PhD. Thang Nguyen Nam with PhD. Thao Huynh Thi Huong (2019). *Method of Establishing the Financial Market Training Program under Learning Output*. International Conference on Finance, Accounting and Auditing. Hanoi City, Vietnam, 8th November: 972-978. Publishing House: National Economics University ISBN: 978-604-946-742-4.

[3] PhD. Thang Nguyen Nam with PhD. Thao Huynh Thi Huong & Anh Pham Thi Kim (2019). *Researching Dynamic Competitiveness Model of Enterprises in Vietnam's Financial Market*. International Conference on Finance, Accounting and Auditing. Hanoi City, Vietnam, 8th November: 804-821. Publishing House: National Economics University ISBN: 978-604-946-742-4.

### 8.2. Tài liệu khác

[1] PGS.TS. Nguyễn Định Thọ và PGS.TS. Nguyễn Thị Mai Trang (2011). *Nghiên cứu Thị trường*. NXB: Lao động.

[2] PGS.TS. Bùi Kim Yến (2011). *Phân tích đầu tư chứng khoán*. NXB: Lao động Xã hội.

[3] PGS.TS. Bùi Kim Yến và PGS.TS. Nguyễn Minh Kiều (2013). *Thị trường Tài chính và các định chế tài chính*. Nhà xuất bản Tài chính.

[4] Frederic S. Mishkin and Stanley G. Eakins (2015). *Financial Markets and Institutions.* Publishing House: Pearson ISBN 13: 978-0-13-342362-4.

[5] Thomas Delcey (2017). *Effient Market Hypothesis, Eugene Fama and Paul Samuelson: A reevaluation.* HAL Id: hal-01618347. https://hal.archives-ouvertes.fr/hal-01618347v1. Preprint submitted on 17 Oct 2017 (v1), last revised 24 May 2019 (v3).

### 3.3. Phần mềm

[1] Phần mềm phân tích dữ liệu chứng khoán. *Amibroke Version 5.7, build date: Dec 17th 2013. Registered to: Chad Hicks.* Ứng dụng tìm, lọc, thiết kế, lập biểu đồ tạo ra những tín hiệu giao dịch chứng khoán trên ngôn ngữ lập trình hỗ trợ viết và bán code. Copyright © 1995-2013. Amibroker.com. All rights reserved.

[2] Phần mềm phân tích rủi ro thị trường, tài chính, chứng khoán, định giá, kỹ thuật, phân bổ danh mục đầu tư, dự toán chi phí & QLDA . *Oracle Crystal Ball 11*. Ứng dụng quản lý hiệu quả doanh nghiệp (EPM) và cải thiện quá trình ra quyết định chiến lược (BI).

[3] Phần mềm khai thác dữ liệu WeKa V3.6.9. Phục vụ cho quản lý, vận hành và lập kế hoạch giúp quyết định về những vấn đề có thể thay đổi nhanh chóng (không có cấu trúc) và không dễ dàng xác định trước (bán cấu trúc). NXB: Đại học Waikato, New Zealand.

## 9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

**9.1. Quy định về tham dự lớp học:** Theo quy định hiện hành của cơ sở đào tạo.

**9.2. Quy định về hành vi lớp học:** Theo quy định hiện hành của cơ sở đào tạo.

**9.3. Quy định về học vụ:** Theo quy định hiện hành của cơ sở đào tạo.

**9.4. Quy định về tự học:** Theo quy định của giảng viên.

## 10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Phạm vi áp dụng: Đề cương chi tiết học phần Thị trường Tài chính cấp độ đại học được xây dựng áp dụng cho chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng khoa Tài chính - Kế toán trong trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM.

- Giảng viên: Phải có trình độ Thạc Sĩ trở lên là những người có năng lực về kinh tế, về tự nhiên xã hội sử dụng đề cương chi tiết học phần Thị trường Tài chính để thiết kế bài giảng, bài tập, câu hỏi trắc nghiệm, biên soạn giáo trình và nghiên cứu khoa học.

- Sinh viên: Sử dụng đề cương chi tiết học phần Thị trường Tài chính để biết thông tin chi tiết về nội dung cần học từ đó chủ động lên kế hoạch phân bổ đủ thời gian học và thi kết thúc học phần đạt được các chuẩn đầu ra theo mục tiêu ban đầu đặt ra.

- Đề cương chi tiết học phần Thị trường Tài chính được ban hành kèm theo chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng khoa Tài chính - Kế toán được công bố công khai đến các bên liên quan theo quy định hiện hành.

## 11. PHÊ DUYỆT

☐ Phê duyệt lần đầu ☒ Phê duyệt bản cập nhật lần thứ:……

**Ngày phê duyệt:**10/8/2020

| Trưởng khoa | Trưởng bộ môn | Chủ nhiệm học phần |
|---|---|---|
| PGS.TS.Trần Phước | ThS.Phạm Thị Kim Ánh | TS.Nguyễn Nam Thắng |